

Bản án số: 14/2019/DS-PT

Ngày: 31 - 01 - 2019

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiện

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961,

Cùng cư trú: Ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc C, sinh năm 1988.

Cư trú: Số 529, tổ 18, ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hồng T3, sinh năm 1949;

Cư trú: ấp H B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp – Có mặt.

2. Ông Lê Hồng D, sinh năm 1945,

Cư trú: Ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông D có ông Lê Quốc C, sinh năm 1988; Cư trú: Số 529, tổ 18, ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2, trình bày: Ông bà đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 9.856m². Nguồn gốc đất trước đây vợ chồng ông mua của ông Nguyễn Kim S (đã chết) vào năm 2003, đến năm 2006 vợ chồng ông làm thủ tục sang tên và canh tác từ 2003 cho đến nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 3252, tờ bản đồ số 01 diện tích 9.856m² đất tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang. Trong quá trình canh tác ông C là người sử dụng đất liền kề lấn chiếm qua diện tích của ông bà ngang 0,8m dài 110 theo đo đạc thực tế là 64,7m². Nay ông bà yêu cầu ông Lê Quốc C trả lại diện tích 64,7m² theo đo đạc thực tế.

+ Bị đơn: Ông Lê Quốc C, trình bày: Phần đất tranh chấp do cha ruột là ông Lê Hồng D tặng cho ông để đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang. Trước đây cha anh đứng tên đất diện tích là 9.394m² khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014, diện tích 8.977m² do ông không biết trụ ranh ở đâu nên ông không biết thực tế đất có lấn ranh ông T1, bà T2, nên ông yêu cầu được đo đạc thực tế để có hiện trạng ban đầu. Đến nay ông cũng không có khiếu nại vì sau phần đất từ cha ông chuyển sang bị thiếu. Hiện nay phần đất này hiện do ông và ông T3 cùng canh tác không đồng ý theo yêu cầu của T1 bà T2.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hồng T3, trình bày: Nguồn gốc đất này của cha ông là ông Lê Hồng Y cho ông và anh ông là Lê Hồng D; anh em thỏa thuận là để cho ông Lê Hồng D đứng tên quyền sử dụng đất và ông Do được cấp quyền sử dụng đất diện tích là 9.394m² vào ngày 18/7/1994 tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang, sau đó thì ông Do chuyển quyền sử dụng đất trên lại cho Lê Quốc C nhưng khi Ủy ban nhân dân huyện M cấp quyền sử dụng đất cho Lê Quốc C ngày 9/10/2014 thì diện tích chỉ còn 8.977m². Hiện nay phần đất do ông đang canh tác. Nay ông T1, bà T1 cho rằng ông C lấn chiếm đất ông không đồng ý.

- Ông Lê Hồng D, trình bày: Ông là cha ruột của Lê Quốc C trước đây ông lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho C do ông đứng tên quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất của cha cho lại cho ông và ông T1 nhưng trên giấy tờ thì để ông kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nên ông được cấp quyền sử dụng đất diện tích 9.394m². Đến năm 2014 thì ông lập hợp đồng chuyển nhượng lại cho C toàn bộ diện tích trên và C đã được cấp quyền sử dụng đất diện tích 8.977,0m². Phần đất trên thì hiện ông canh tác ½ ông T1 canh tác ½.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Áp dụng: Điều 26; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 273 và Điều 294 Bộ

luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Buộc anh Lê Quốc C, ông Lê Hồng T3 có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 đất diện tích 64,7m² tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh M đo vẽ ngày 13/12/2017. Đất tọa lạc ấp N, xã A, huyện M thuộc thửa số 3252, thuộc tờ bản đồ số 01 diện tích 9856m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05801B do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 8/6/2006 cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Về chi phí tố tụng: Anh Lê Quốc C, ông Lê Hồng T3 phải hoàn trả cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 chi phí đo đạc, định giá tổng cộng 8.916.955đ.

Án phí DSST: Anh Lê Quốc C, ông Lê Hồng T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng;

Hoàn trả cho ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0014076 ngày 21/6/2017 của do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M tỉnh An Giang cấp.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Cùng ngày 10/10/2018, bị đơn Lê Quốc C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T3 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Lê Quốc C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T3 trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quốc C và ông Lê Hồng T3; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 03/10/2018, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 với bị đơn ông Lê Quốc C theo bản án số 129/2018/DS-ST. Đến ngày 10/10/2018, bị đơn Lê Quốc C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T3 có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp diện tích 64,7m² đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện M, tỉnh An Giang đã được xác định tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 13/12/2017. Cụ thể ông T1, bà T2 cho rằng ông C đã lấn chiếm diện tích đất trên của ông nên ông bà yêu cầu ông C và người đang canh tác có trách nhiệm trả lại cho ông bà diện tích đất nêu trên, còn ông C và ông T3 không đồng ý với yêu cầu của ông T1. Sau khi án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T1 thì ông C và ông T3 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh M đo vẽ ngày 13/12/2017 được hình thành trên cơ sở đo đạc theo chỉ dẫn của các bên, trong đó diện tích 64,7m² đất nông nghiệp đã được xác định tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 mà các bên đều khẳng định thuộc quyền sử dụng của mình. Tuy nhiên, căn cứ công văn số 111/CNCM-ĐĐ có nội dung: “... các điểm 6,7, 32, 8, 9 có diện tích 64,7m² không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C...” và “Ông Trần Văn T1 được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05801B, cấp ngày 08/6/2006, tờ bản đồ số 1, thửa 3252, diện tích 9856,0m², loại đất trồng lúa. Đo đạc hiện trạng tại các điểm 6,7,32,8,9, 12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 có diện tích là 9877,0m², thuộc thửa đất 3252, tờ bản đồ số 01, đã cấp cho ông Trần Văn T1. Do đó cấp sơ thẩm xác định diện tích 64,7m² đất nông nghiệp đã được xác định tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 mà các bên tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn T1 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hiện đang canh tác trả lại đất diện tích 64,7m² tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh M đo vẽ ngày 13/12/2017, đồng thời phải chịu chi phí tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bà mà nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do ông Lê Hồng T3 là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí cho ông T3. Cấp sơ thẩm đã buộc ông T3 chịu án phí sơ thẩm 300.000đồng đồng thời buộc ông T3 phải đóng tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về án phí, đồng thời cho ông T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

I - Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Quốc C và ông Lê Hồng T3.

Áp dụng: Điều 26; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 273 và Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Buộc anh Lê Quốc C, ông Lê Hồng T3 có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 đất diện tích 64,7m² tại các điểm 6,7, 32, 8, 9 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh M đo vẽ ngày 13/12/2017. Đất tọa lạc ấp N, xã A, huyện M thuộc thửa số 3252, thuộc tờ bản đồ số 01 diện tích 9856m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05801B do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 8/6/2006 cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Quốc C, ông Lê Hồng T3 phải hoàn trả cho ông Trần Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 chi phí đo đạc, định giá tổng cộng 8.916.955đ.

II Sửa phần án phí của Bản án sơ thẩm dân sự số 129/2018/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Ông Lê Quốc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng. Ông Lê Hồng T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quốc C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000222 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Ông Lê Hồng T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000221 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh